**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH

 TỔ : ĐỊA LÍ

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II (2024-2025)**

**ĐỊA LÍ 12- Thời gian: 50 phút**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng** | **Tỉ lệ****% điểm** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | **TNKQ đúng - sai** | **TNKQ trả lời ngắn** | **Tự luận** |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** |
| 1 | **Địa lí các ngành kinh tế**  | Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành dịch vụ  | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 2 | 2 |  | **27,5%** |
| Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 1 |  | **7,5%** |
| Thương mại và du lịch  | 2 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 | 1 | **20%** |
| 2 | **Địa lí các vùng kinh tế**  | Khai thác thế mạnh ở Trung du miền núi Bắc Bộ  | 2 | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  | **17,5%** |
| 3 | **Kĩ năng địa lí** | xử lí số liệu ,phân tích nhận xét bảng số liệu ,nhận xét biểu đồ | 2 | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  | 1 |  | 2 | 4 | 2 | **27,5%** |
| **Tổng số câu** | 10 | 5 | 1 |  | 2 |  |  | 2 | 2 |  | 2 |  | 10 | 11 | 3 | **100%** |
| **Tổng số điểm** | 4,0 | 2,0 | 1,0 | 3,0 |  | 10 |
| **Tỉ lệ %** | **40**  | **20** | **10** | **30**  | **40** | **30** | **30** | 100 |

 **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TRƯỜNG THPT BÌNH CHÁNH

TỔ : ĐỊA LÍ **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II (2024-2025)**

 **ĐỊA LÍ 12- Thời gian :50 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt**(Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ) | **Số lượng chỉ báo** |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |
| **Nhiều lựa chọn** | **Đúng-Sai** | **Trả lời ngắn** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Địa lí các ngành kinh tế**  | Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển ngành dịch vụ | **Nhận biết**– Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ **Thông hiểu**– Trình bày được vai trò, các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.  | 2 |  |  | 1 |
| Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông | **Nhận biết**– Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, **Thông hiểu**– Phân tích được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải ,bưu chính viễn thông | 3 |  |  |  |
| Thương mại và du lịch | **Nhận biết**– Trình bày được sự phát triển và phân bố thương mại, du lịch ở Việt Nam.**Thông hiểu**– Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.**Vận dụng** –sử dụng số liệu… để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành (thương mại và du lịch). | 4 | 1 |  |  |
| 2 | **Địa lí các vùng kinh tế** | Khai thác thế mạnh ở Trung du miền núi Bắc Bộ  | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.**Thông hiểu**– Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thuỷ điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả), chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển. | 3 | 1 |  |  |
| 3 | **Kĩ năng địa lí** |  -Xử lí số liệu ,phân tích nhận xét bảng số liệu ,nhận xét biểu đồ  | **Nhận biết** :Nhận dạng đúng biểu đồ ,nhận xét biểu đồ ,bảng số liệu  | 3 |  |  |  |
|  **Thông hiểu:** Xử lí các số liệu về các chỉ số tự nhiên - kinh tế, xã hội. |  |  | 2 | 1 |
| **-Vận dụng:** So sánh các chỉ số kinh tế, xã hội qua từng giai đoạn… |  |  | 2 |  |
|  | **Số chủ đề** | **Số nội dung** | **Số chỉ báo** | 16 | 2 | 4 | 2 |